

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 30-9-2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Mai Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Viết Thắng.
2. Bà Nguyễn Thị Phương Đông.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 30-9-2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 29-7-2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-9-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Khu 2, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn S, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-7-2021, các bản khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 13-12-1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S dành tình cảm cho người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Tháng 6 năm 2009, chị H cùng hai con đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị H tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị H và anh S có hai người con chung là Bùi Thị Tr, sinh ngày 16-11-2000 đã trưởng thành và Bùi Duy Kh, sinh ngày 24-8-2007. Ly hôn, cháu Kh có nguyện vọng được ở với chị H nên chị có nguyện vọng được nuôi cháu Kh, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận, tổng đạt các văn bản hợp lệ cho anh Bùi Văn S thông qua trưởng thôn 3, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái nhưng bị đơn anh Bùi Văn S không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh S đồng thời nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 13-12-1999 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo chị H vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S dành tình cảm cho người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải, đồng thời Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng anh S không đến Tòa, không có bản khai, như vậy anh S đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của bản thân, cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh S ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị H được ly hôn anh S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn S có hai người con chung là Bùi Thị Tr, sinh ngày 16-11-2000 đã trưởng thành và Bùi Duy Kh, sinh ngày 24-8-2007 hiện đang sống với chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Kh, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác anh S không có lời khai thể hiện nguyện vọng được nuôi con, vì vậy để đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy anh S vắng mặt tại Tòa án, chị H cũng không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh S chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Duy Kh, sinh ngày 24-8-2007 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Bùi Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008758 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 28-7-2021.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS h. T;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Mai Hằng**

